

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-10-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tùng;

2. Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1988 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn x, xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ n, khu phố y, phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Tôi và bà Nguyễn Thị N sau thời gian tìm hiểu thì làm đám cưới, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 28/4/2014, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn do chúng tôi tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng chuyển vào thị xã

BC, tỉnh Bình Dương sinh sống cùng cha mẹ vợ. Đến cuối năm 2014 thì do sống chung với nhà vợ và có nhiều vấn đề xảy ra nên tôi có khuyên bà N ra sống riêng nhưng vẫn ở gần cha mẹ vợ. Tuy nhiên, bà N không chịu và nói tôi muốn sống ở đâu thì sống. Do nhận thấy bà N quá dựa dẫm vào cha mẹ, không chịu làm ăn để sống tự lập nên tôi không hài lòng, sau đó đến cuối năm 2014 thì tôi trở về quê làm ăn, sinh sống. Đến cuối năm 2015, thì tôi có gọi bà N về quê chung sống với tôi, bà N có về, nhưng sinh sống được một thời gian khoảng 5-6 tháng gì đó thì bà N nói không chịu được nên tôi đưa bà N trở lại Bình Dương sinh sống. Lúc này, do tình cảm giữa hai bên cũng đã phai nhạt nên khi vào Bình Dương sinh sống thì bà N vẫn tiếp tục chung sống với cha mẹ ruột, còn tôi tự sống một mình bên ngoài. Cũng từ đó, hai vợ chồng không qua lại, không hỏi han, không dành sự quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa. Chúng tôi đã ly thân cũng đã hơn 05 năm nay.

Do quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng bà Nguyễn Thị N vắng mặt không có lý do chính đáng và không có ý kiến trình bày trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Kiểm sát viên đại diện VKSND thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã triệu tập hợp lệ lần hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

- Về nội dung vụ án:

- + Về quan hệ hôn nhân: Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận.

- + Về con chung: Không có.

- + Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp về vấn đề ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương, nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã BC, tỉnh Bình Dương (theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn đã có ý kiến trình bày đầy đủ và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 28/4/2014, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Phía nguyên đơn trong quá trình tố tụng xác định không còn tình cảm với bị đơn và vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Xét phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án, điều đó cho thấy bị đơn không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hàn gắn tình cảm với nguyên đơn, không còn quan tâm chăm sóc nhau theo đúng nghĩa vợ chồng.

Xét mâu thuẫn giữa ông B và bà N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên việc ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông B được ly hôn với bà N là có căn cứ chấp nhận.

Xét các đương sự không có con chung, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, quá trình tố tụng các đương sự không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đúng quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 35, 39, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B với bị đơn bà Nguyễn Thị N về việc: “Tranh chấp ly hôn” như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B được ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng theo Biên lai số 0054571 ngày 20/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Phước Thành